BỘ CÔNG THƯƠNG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 31/2024/TT-BCT	*Hà Nội, ngày 25 tháng 12 năm 2024*

THÔNG TƯ

Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn sản phẩm vật liệu nổ công nghiệp - mồi nổ dùng cho thuốc nổ công nghiệp

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ ngày 20 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Nghị định số 96/2022/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương; Nghị định số 105/2024/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 96/2022/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương và Nghị định số 26/2018/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ về Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Điện lực Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật; Nghị định số 78/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật;

Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa; Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa; Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp;

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn sản phẩm vật liệu nổ công nghiệp - mồi nổ dùng cho thuốc nổ công nghiệp.

Điều 1. Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia

Ban hành kèm theo Thông tư này Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn sản phẩm vật liệu nổ công nghiệp - mồi nổ dùng cho thuốc nổ công nghiệp.

Ký hiệu: QCVN 12-24:2024/BCT.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 và thay thế Thông tư số 20/2015/TT-BCT ngày 22 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về mồi nổ dùng cho thuốc nổ công nghiệp.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng các Cục: Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp, Hóa chất; Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ; Giám đốc Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Thủ tướng và các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Tổng bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- Các đơn vị thuộc Bộ Công Thương;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Website Chính phủ; website Bộ Công Thương;
- Lưu: VT, ATMT..

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Trương Thanh Hoài

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

QCVN 12 - 24:2024/BCT

QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ AN TOÀN SẢN PHẨM VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP - MỒI NỔ DÙNG CHO THUỐC NỔ CÔNG NGHIỆP

National technical regulation on safety of industrial explosive materials - Primer for industrial explosives

HÀ NỘI - 2024

LỜI NÓI ĐẦU

QCVN 12 - 24:2024/BCT do Tổ soạn thảo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về an toàn sản phẩm vật liệu nổ công nghiệp - mồi nổ dùng cho thuốc nổ công nghiệp biên soạn, Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp trình duyệt, Bộ Khoa học và Công nghệ thẩm định, Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành theo Thông tư số 31 /2024/TT-BCT ngày 25 tháng 12 năm 2024.

Quy chuẩn này thay thế Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về mồi nổ dùng cho thuốc nổ công nghiệp số QCVN 08:2015/BCT.

QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ AN TOÀN SẢN PHẨM VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP - MỒI NỔ DÙNG CHO THUỐC NỔ CÔNG NGHIỆP

National technical regulation on safety of industrial explosive materials - Primer for industrial explosives

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chuẩn kỹ thuật này quy định chỉ tiêu kỹ thuật, phương pháp thử và quy định quản lý đối với mồi nổ dùng cho thuốc nổ công nghiệp có mã HS 3602.00.00.

2. Đối tượng áp dụng

Quy chuẩn kỹ thuật này áp dụng cho các tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan tới mồi nổ dùng cho thuốc nổ công nghiệp trên lãnh thổ Việt Nam và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chuẩn kỹ thuật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

3.1. Mồi nổ dùng cho thuốc nổ công nghiệp: Là lượng thuốc nổ trung gian tạo xung kích nổ do kíp, dây nổ kích nổ trực tiếp có tác dụng kích nổ khối thuốc nổ hoặc tăng cường xung kích nổ ban đầu để kích nổ khối thuốc nổ có độ nhạy kém.

3.2. Độ nhạy kích nổ: Là ngưỡng để mồi nổ có thể phát nổ khi bị kích thích bằng sóng xung kích được tạo ra từ các phương tiện gây nổ (kíp nổ, dây nổ) hoặc va đập hoặc ma sát hoặc ngọn lửa.

II. QUY ĐỊNH VỀ KỸ THUẬT

4. Tài liệu viện dẫn

Các tài liệu viện dẫn trong Quy chuẩn kỹ thuật này được áp dụng phiên bản được nêu ở dưới đây.

QCVN 01:2019/BCT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong sản xuất, thử nghiệm, nghiệm thu, bảo quản, vận chuyển, sử dụng, tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp và bảo quản tiền chất thuốc nổ.

QCVN 12-25:2024/BCT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn sản phẩm vật liệu nổ công nghiệp - kíp nổ điện số 8.

TCVN 6421:1998 - Vật liệu nổ công nghiệp - Xác định khả năng sinh công bằng cách đo độ nén trụ chì.

TCVN 6424:1998 - Vật liệu nổ công nghiệp - Xác định khả năng sinh công bằng con lắc xạ thuật.

5. Chỉ tiêu kỹ thuật

5.1. Kích thước hình học

Kích thước kỹ thuật của mồi nổ dùng cho thuốc nổ công nghiệp được quy định tại Bảng 1 và Hình 1.

Bảng 1 - Kích thước hình học danh nghĩa của mồi nổ dùng cho thuốc nổ công nghiệp

Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chỉ tiêu	
1. Thỏi mồi nổ dùng cho thuốc nổ công nghiệp		**Loại 175 g**	**Loại 400 g**
1.1. Đường kính (không kể lớp vỏ)	mm	34	50
1.2. Đường kính (kể cả lớp vỏ), D	mm	37	54
1.3. Chiều dài	mm	122	122
2. Lỗ tra kíp nổ, dây nổ			
2.1. Đường kính lỗ, d1	mm	9,0	9,0
2.2. Đường kính lỗ, d2	mm	8,0	8,0
2.3. Đường kính lỗ, d3	mm	6,0	6,0

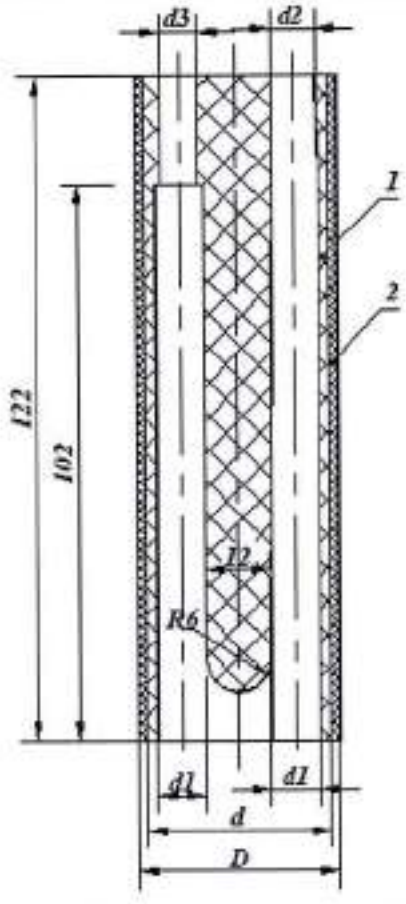

1. Thuốc nổ 2. Lớp vỏ

Hình 1 - Mồi nổ dùng cho thuốc nổ công nghiệp

Chú thích: *Kích thước hình học danh nghĩa, khối lượng của mồi nổ dùng cho thuốc nổ công nghiệp cho phép thay đổi theo đặt hàng.*

5.2. Chỉ tiêu kỹ thuật

Chỉ tiêu kỹ thuật của mồi nổ dùng cho thuốc nổ công nghiệp được quy định tại Bảng 2.

Bảng 2 - Chỉ tiêu kỹ thuật của mồi nổ dùng cho thuốc nổ công nghiệp

Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chỉ tiêu
1. Khối lượng riêng	g/cm^3	Không nhỏ hơn 1,55
2. Khả năng sinh công bằng con lắc xạ thuật (so sánh với TNT tiêu chuẩn)	%	Không nhỏ hơn 120
3. Tốc độ nổ	m/s	Không nhỏ hơn 7 200
4. Độ nén trụ chì	mm	Không nhỏ hơn 20
5. Độ nhạy kích nổ		Kíp nổ số 8
6. Thời gian chịu nước (ngâm sâu 1 m nước)	h	48

6. Bao gói

Thỏi mồi nổ dùng cho thuốc nổ công nghiệp được bọc ngoài bằng ống giấy hoặc ống nhựa và được bảo quản trong hộp carton hoặc thay đổi theo đặt hàng.

7. Phương pháp thử

7.1. Xác định khối lượng riêng

7.1.1. Nguyên tắc

Cân thủy tĩnh thỏi mồi nổ dùng cho thuốc nổ công nghiệp trong nước rồi tính ra khối lượng riêng.

7.1.2. Vật tư, thiết bị, dụng cụ

7.1.2.1. Mồi nổ dùng cho thuốc nổ công nghiệp.

7.1.2.2. Cân kỹ thuật, sai số 0,01 g.

7.1.2.3. Ống đong 250 ml, có chia vạch đến 2 ml.

7.1.2.4. Nhiệt kế thủy ngân từ 0 °C đến 50 °C, sai số 1 °C.

7.1.2.5. Dao, kéo.

7.1.2.6. Nước để phân tích dùng trong phòng thí nghiệm theo quy định tại TCVN 4851:1989.

7.1.3. Cách tiến hành

Bóc hết vỏ ngoài của thỏi mồi nổ, cân mẫu khô, ghi trọng lượng (A). Cho giá vào trong cân, đặt cốc nước vào trong giá. Buộc mẫu vào dây rồi cho mẫu vào trong cốc nước. Treo mẫu lên giá (sao cho toàn bộ mẫu ngập trong nước, tránh đồ giá, mẫu va chạm vào quang cân và thành cốc). Dùng xi lanh bơm hết bọt khí bám xung quanh mẫu. Ghi trọng lượng mẫu cân (B). Nhấc mẫu sản phẩm ra ngoài rồi cân trọng lượng dây trong nước (C), bỏ đồ gá và cốc nước ra ngoài, cắm nhiệt kế vào cốc nước để khoảng 5 min đến 10 min đọc nhiệt độ trong nước để tra bảng tính trị số K.

CHÚ THÍCH: Cho phép tách thỏi mồi nổ từng thành phần nhỏ để kiểm tra.

7.1.4. Tính kết quả

Khối lượng riêng của thỏi mồi nổ tính theo công thức:

$$\rho = \frac{\rho_0 \times m}{m - (m_1 - m_2)} \qquad (1)$$

Trong đó:

ρ : Khối lượng riêng của mồi nổ, g/cm^3.

ρ_0: Khối lượng riêng của nước cất ở nhiệt độ thử nghiệm, g/cm^3.

m: Khối lượng mồi nổ, g.

m_1: Khối lượng bát không chứa mồi nổ đặt trong nước, g.

m_2 là khối lượng bát chứa mồi nổ được đặt trong nước, g.

7.1.5. Đánh giá kết quả

Mẫu thử đạt yêu cầu về khối lượng riêng khi đáp ứng quy định nêu tại Điều 5 của Quy chuẩn kỹ thuật này.

7.2. Xác định khả năng sinh công bằng con lắc xạ thuật

Thực hiện theo TCVN 6424:1998.

7.3. Xác định tốc độ nổ

7.3.1. Nguyên tắc

Dùng máy đo thời gian xác định thời gian sóng truyền nổ qua một chiều dài nhất định trên thỏi thuốc từ đó xác định tốc độ nổ.

7.3.2. Vật tư, thiết bị, dụng cụ

7.3.2.1. Mồi nổ dùng cho thuốc nổ công nghiệp.

7.3.2.2. Máy đo tốc độ nổ và dây quang đồng bộ.

7.3.2.3. Kíp nổ điện số 8 theo quy định tại QCVN 12-25:2024/BCT.

7.3.2.4. Máy nổ mìn chuyên dụng hoặc nguồn điện một chiều từ 6 V đến 12 V.

7.3.2.5. Thước vạch chuẩn, có chia vạch đến 1 mm.

7.3.2.6. Dao, kéo.

7.3.2.7. Thước cặp có dải đo từ 0 mm đến 300 mm, sai số 0,02 mm.

7.3.2.8. Hầm nổ hoặc bãi thử nổ.

7.3.3. Cách tiến hành

7.3.3.1. Dùng dao inox vệ sinh sạch phần sáp ở hai đầu mỗi thỏi mồi nổ, ghép các thỏi mồi với nhau để chiều dài không nhỏ hơn 320mm, dùng giấy Kraft hoặc ống nhựa để cố định các thỏi mồi nổ. Khi ghép không được để vị trí lỗ tra kíp của các thỏi thuốc trùng nhau. Bề mặt của các thỏi thuốc phải tiếp xúc nhau hoàn toàn.

7.3.3.2. Rải cát để tạo mặt phẳng, đặt mẫu lên đó; kẻ 1 đường thẳng dọc thân mẫu, đánh dấu 2 điểm trên đường thẳng đấy để làm vị trí tra dây quang sao

cho khoảng cách từ đáy lỗ tra kíp đến vị trí dây quang gần nhất phải không nhỏ hơn 03 lần đường kính thỏi mồi nổ và khoảng cách giữa 02 dây quang không nhỏ hơn 80 mm, dây quang thứ hai cách đầu còn lại của thỏi mồi nổ không nhỏ hơn 50 mm. Tra dây quang, kíp vào lỗ trên mẫu đã chuẩn bị sao cho ngập hết hai phần ba kíp trong lỗ tạo ra trên thỏi mồi nổ.

7.3.3.3. Kết nối hai đầu dây quang vào máy đo tốc độ nổ, kết nối 2 đầu dây của kíp với bộ điểm hỏa (đang ở chế độ an toàn); cài đặt các thông số vào máy đo tốc độ nổ, để ở chế độ sẵn sàng (sẵn sàng ghi lại các dữ liệu của quá trình nổ).

Chuẩn bị mẫu và cách đấu dây với mẫu mồi nổ dùng cho thuốc nổ công nghiệp được thể hiện tại Hình 2.

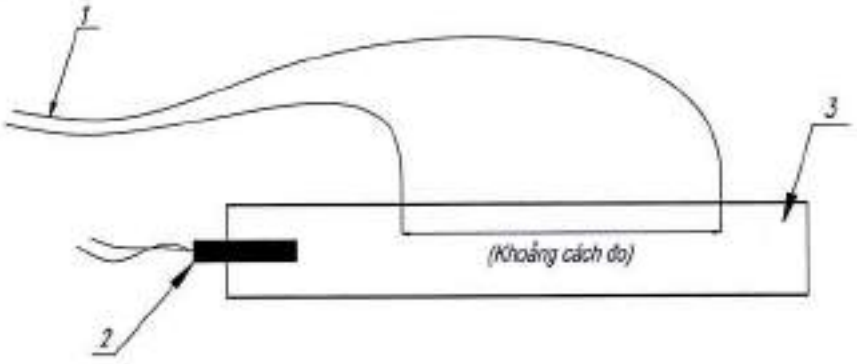

1. Dây quang 2. Kíp nổ điện số 8 3. Mồi nổ dùng cho thuốc nổ công nghiệp

Hình 2 - Sơ đồ chuẩn bị mẫu và cách đấu dây với mẫu mồi nổ dùng cho thuốc nổ công nghiệp

7.3.3.4. Tiến hành kích nổ mẫu thuốc nổ, máy đo sẽ bắt đầu thu nhận thông tin về tốc độ nổ và kết quả đo hiển thị trên màn hình hoặc được phân tích trên máy tính bằng phần mềm đi kèm máy.

7.3.4. Tính kết quả

Thí nghiệm được tiến hành tối thiểu 03 lần, sai số giữa các kết quả đo không được lớn hơn ± 200 m/s. Kết quả là giá trị trung bình của các phép thử, làm tròn đến số nguyên.

7.3.5. Đánh giá kết quả

Mẫu thử đạt yêu cầu về tốc độ nổ khi đáp ứng quy định nêu tại Điều 5 của Quy chuẩn kỹ thuật này.

7.4. Xác định độ nén trụ chì

Thực hiện theo TCVN 6421:1998.

7.5. Xác định độ nhạy kích nổ

7.5.1. Nguyên tắc

Sử dụng phụ kiện kích nổ theo yêu cầu để kích nổ mồi nổ dùng cho thuốc nổ công nghiệp.

7.5.2. Vật tư, thiết bị, dụng cụ

7.5.2.1. Mồi nổ dùng cho thuốc nổ công nghiệp.

7.5.2.2. Kíp nổ điện số 8 theo quy định tại QCVN 12-25:2024/BCT.

7.5.2.3. Dây nổ chịu nước 12 g/m, dài 500 mm theo quy định tại QCVN 04:2015/BCT.

7.5.2.4. Tấm chì dài 400 mm, rộng 200 mm, dày 10 mm.

7.5.2.5. Máy nổ mìn chuyên dụng hoặc nguồn điện một chiều từ 6 V đến 12 V.

7.5.2.6. Dụng cụ tạo lỗ đường kính 2 mm và 7,5 mm.

7.5.2.7. Hầm nổ hoặc bãi thử nổ.

7.5.3. Cách tiến hành

7.5.3.1. Lấy ngẫu nhiên 03 mẫu thuốc trong lô hàng cần kiểm tra độ nhạy kích nổ, đảm bảo khối lượng riêng nằm trong khoảng quy định tại Điều 5 của Quy chuẩn kỹ thuật này.

7.5.3.2. Đặt mẫu mồi nổ dùng cho thuốc nổ công nghiệp đã chuẩn bị trên mặt cát bằng phẳng. Tra kíp nổ điện số 8 vào thỏi mồi nổ dùng cho thuốc nổ công nghiệp và đưa 2 cm đến 3 cm đoạn dây nổ vào lỗ ở phía đối diện với phía tra kíp, cố định dây nổ trên tấm chì bằng băng dính sao cho khoảng cách từ đáy của thỏi mồi nổ đến đầu tấm chì không nhỏ hơn 300 mm.

7.5.3.3. Đấu hai đầu dây dẫn của kíp điện vào đường dây điện khởi nổ chính và tiến hành kích nổ bằng máy nổ mìn. Tiến hành khởi nổ.

Xác định độ nhạy kích nổ được thể hiện theo Hình 3.

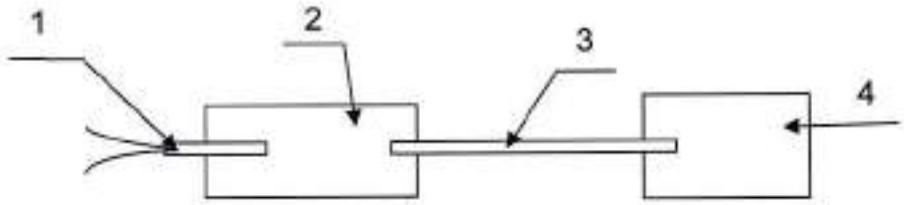

1. Kíp nổ điện số 8 2. Mồi nổ dùng cho thuốc nổ công nghiệp

3. Dây nổ 4. Tấm chì

Hình 3 - Sơ đồ xác định độ nhạy kích nổ

7.5.5. Đánh giá kết quả

Yêu cầu toàn bộ các mẫu đem thử phải nổ hết (trên tấm chì có vết của dây nổ) thì kết luận loại mồi nổ dùng cho thuốc nổ công nghiệp đó có độ nhạy kích nổ theo quy định.

7.6. Xác định thời gian chịu nước

7.6.1. Nguyên tắc

Ngâm mẫu cần kiểm tra khả năng chịu nước trong bể nước (hoặc ngâm trong bình chịu áp lực) trong một thời gian nhất định. Tiến hành thử nổ mồi nổ dùng cho thuốc nổ công nghiệp sau khi ngâm nước. Yêu cầu toàn bộ các mẫu đem thử phải nổ hết thì kết luận mồi nổ dùng cho thuốc nổ công nghiệp có khả năng chịu nước theo quy định.

7.6.2. Vật tư, thiết bị, dụng cụ

7.6.2.1. Mồi nổ dùng cho thuốc nổ công nghiệp.

7.6.2.2. Bể nước có mực nước sâu không nhỏ hơn 1,0 m.

7.6.2.3. Máy nổ mìn chuyên dụng hoặc nguồn điện một chiều từ 6 V đến 12 V.

7.6.2.4. Muôi múc, cân, các dụng cụ cần thiết khác.

7.6.2.5. Dụng cụ tạo lỗ đường kính 2 mm và 7,5 mm.

7.6.2.6. Kíp nổ điện số 8 theo quy định tại QCVN 12-25:2024/BCT.

7.6.2.7. Dây nổ chịu nước loại 12 g/m, dài 500 mm theo quy định tại QCVN 04:2015/BCT.

7.6.2.8. Tấm chì có kích thước 400 mm x 200 mm x 10 mm.

7.6.2.9. Hầm nổ hoặc bãi thử nổ.

7.6.3. Cách tiến hành

7.6.3.1. Ngâm mẫu mồi nổ dùng cho thuốc nổ công nghiệp trong nước sâu 1,0 m trong thời gian 48 h.

7.6.3.2. Tra kíp vào lỗ trên quả mồi nổ dùng cho thuốc nổ công nghiệp và đưa 2 cm đến 3 cm đoạn dây nổ vào lỗ ở phía đối diện với phía tra kíp, cố định dây nổ trên tấm chì bằng băng dính sao cho khoảng cách từ đáy của thỏi mồi nổ dùng cho thuốc nổ công nghiệp đến đầu tấm chì không nhỏ hơn 300 mm.

7.6.3.3. Đấu hai đầu dây dẫn của kíp điện vào đường dây điện khởi nổ chính và tiến hành kích nổ bằng máy nổ mìn. Tiến hành khởi nổ.

Xác định khả năng chịu nước được thể hiện tại Hình 4.

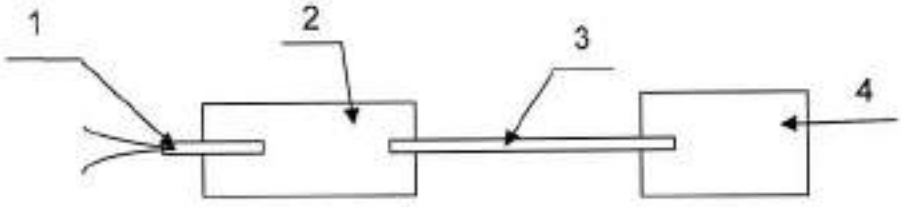

1. Kíp nổ điện số 8 2. Mồi nổ dùng cho thuốc nổ công nghiệp

3. Dây nổ 4. Tấm chì

Hình 4 - Sơ đồ xác định khả năng chịu nước

7.6.4. Đánh giá kết quả

Yêu cầu toàn bộ các mẫu đem thử phải nổ hết (trên tấm chì có vết của dây nổ) thì kết luận loại mồi nổ dùng cho thuốc nổ công nghiệp đó có khả năng chịu nước theo quy định.

7.7. Quy định về an toàn trong thử nghiệm

Phải tuân thủ quy định về an toàn trong bảo quản, sử dụng, tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp theo quy định tại Quy chuẩn số QCVN 01:2019/BCT trong quá trình thử nghiệm và tiêu hủy mẫu không đạt yêu cầu.

7.8. Quy định về sử dụng phương tiện đo

Phương tiện đo phải được kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật về đo lường. Trong toàn bộ thời gian quy định của chu kỳ kiểm định, đặc tính kỹ thuật đo lường của phương tiện đo phải được duy trì trong suốt quá trình sử dụng.

III. QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ

8. Quy định về quản lý

8.1. Mồi nổ dùng cho thuốc nổ công nghiệp phải công bố hợp quy phù hợp

quy định kỹ thuật tại Điều 5 của Quy chuẩn kỹ thuật này, gắn dấu hợp quy (dấu CR) và ghi nhãn hàng hóa trước khi lưu thông trên thị trường. Việc ghi nhãn mồi nổ dùng cho thuốc nổ công nghiệp được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa, được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 5 Điều 1 Nghị định số 111/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa và QCVN 01:2019/BCT.

8.2. Mồi nổ dùng cho thuốc nổ công nghiệp sản xuất trong nước phải thực hiện công bố hợp quy theo quy định tại Thông tư số 36/2019/TT-BCT ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định quản lý chất lượng hàng hóa nhập khẩu thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương (sau đây viết tắt là Thông tư số 36/2019/TT-BCT).

8.3. Mồi nổ dùng cho thuốc nổ công nghiệp nhập khẩu phải thực hiện kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu theo quy định tại Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa; Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa; Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành.

9. Công bố hợp quy

9.1. Việc công bố hợp quy mồi nổ dùng cho thuốc nổ công nghiệp sản xuất trong nước, nhập khẩu phải dựa trên kết quả chứng nhận của tổ chức chứng nhận được Bộ Công Thương chỉ định theo quy định tại Thông tư số 36/2019/TT-BCT hoặc được thừa nhận theo quy định của Thông tư số 27/2007/TT-BKHCN ngày 31 tháng 10 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn việc ký kết và thực hiện các Hiệp định và thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau kết quả đánh giá sự phù hợp (sau đây viết tắt là Thông tư số 27/2007/TT-BKHCN).

9.2. Chứng nhận hợp quy

Chứng nhận hợp quy đối với mồi nổ dùng cho thuốc nổ công nghiệp sản xuất trong nước, nhập khẩu thực hiện theo phương thức 5 "Thử nghiệm mẫu điển hình và đánh giá quá trình sản xuất; giám sát thông qua thử nghiệm mẫu lấy tại nơi sản xuất hoặc trên thị trường hoặc lô hàng nhập khẩu kết hợp với đánh giá quá trình sản xuất" hoặc phương thức 7 "Thử nghiệm, đánh giá lô sản phẩm, hàng hóa" tại cơ sở sản xuất theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật (sau đây viết tắt là Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN).

9.3. Thử nghiệm phục vụ việc chứng nhận hợp quy phải được thực hiện bởi tổ chức thử nghiệm được Bộ Công Thương chỉ định theo quy định tại Thông tư số 36/2019/TT-BCT hoặc tổ chức được thừa nhận theo quy định của Thông tư số 27/2007/TT-BKHCN.

9.4. Trình tự, thủ tục và hồ sơ công bố hợp quy

Trình tự, thủ tục và hồ sơ công bố hợp quy đối với mồi nổ dùng cho thuốc nổ công nghiệp sản xuất trong nước và nhập khẩu thực hiện theo quy định tại Thông tư số 36/2019/TT-BCT.

10. Sử dụng dấu hợp quy

Dấu hợp quy và sử dụng dấu hợp quy phải tuân thủ theo quy định tại khoản 2 Điều 4 của Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN.

IV. TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

11. Trách nhiệm của tổ chức sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu mồi nổ dùng cho thuốc nổ công nghiệp

11.1. Tổ chức sản xuất, kinh doanh mồi nổ dùng cho thuốc nổ công nghiệp phải tuân thủ quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật này và đảm bảo chất lượng phù hợp với quy định tại Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa.

11.2. Tổ chức sản xuất, nhập khẩu mồi nổ dùng cho thuốc nổ công nghiệp phải đăng ký bản công bố hợp quy tại Sở Công Thương nơi đăng ký kinh doanh theo quy định tại Thông tư số 36/2019/TT-BCT.

12. Trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước

12.1. Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp chủ trì phối hợp với Vụ Khoa học và Công nghệ thuộc Bộ Công Thương, các đơn vị có liên quan hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quy chuẩn kỹ thuật này.

12.2. Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương kiểm tra, đôn đốc về thực hiện các thủ tục công bố hợp quy theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật này và kiểm tra việc tuân thủ các quy định về quản lý chất lượng mồi nổ dùng cho thuốc nổ công nghiệp của các doanh nghiệp trên địa bàn quản lý.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

13. Hiệu lực thi hành

13.1. Quy chuẩn kỹ thuật này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

13.2. Trong quá trình thực hiện Quy chuẩn kỹ thuật này, trường hợp tổ chức, cá nhân có khó khăn, vướng mắc đề nghị phản ánh về Bộ Công Thương để xem xét, giải quyết.

13.2. Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, Tiêu chuẩn, Quy chuẩn viện dẫn tại Quy chuẩn kỹ thuật này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới ban hành.

14. Điều khoản chuyển tiếp

Sản phẩm mồi nổ dùng cho thuốc nổ công nghiệp được công bố hợp quy trước ngày 01 tháng 7 năm 2025 theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về mồi nổ dùng cho thuốc nổ công nghiệp số QCVN 08:2015/BCT được tiếp tục sử dụng theo thời hạn sử dụng đã công bố./.